

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục tiểu học
năm học 2022 – 2023 (Đầu năm)**

*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	15/15	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	15 phòng	-
2	Phòng học bán kiên cố	/	-
3	Phòng học tạm	/	-
4	Phòng học nhờ	/	-
III	Số điểm trường lẻ	1	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	4145,6 m ²	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2099,2 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	1639,4 m ²	2,5m ² / học sinh
1	Diện tích phòng học (m ²)	54,4 m ²	
2	Diện tích thư viện (m ²)	160 m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng. (m ²)	160 m ²	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	80,9 m ²	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	81,6 m ²	
6	Diện tích phòng tin học (m ²)	81,6 m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	54,4 m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hoặc hòa nhập (m ²)	27,2 m ²	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội. (m ²)	54,4 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	15 bộ	1 bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định.	15 bộ	Số bộ/lớp
1.1	Khối lớp 1	3 bộ	1 bộ/1 lớp
1.2	Khối lớp 2	3 bộ	1 bộ/1 lớp
1.3	Khối lớp 3	3 bộ	1 bộ/1 lớp
1.4	Khối lớp 4	3 bộ	1 bộ/1 lớp
1.5	Khối lớp 5	3 bộ	1 bộ/1 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định.	/	/
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	77 bộ	01 học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị dụng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	15 cái	15/15 lớp
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu	4 cái	
5	Bảng tương tác	5 cái	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/		
XIII	Khu nội trú	/		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4		4/4		0,12m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 41/2010/QĐ-BGĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh.)

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Cần Giờ, ngày 10 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Lê Hữu Bình

